

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Hải.

2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Trà M, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 21, đường N, Tổ 01, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Trà M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc V quen biết tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2017.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh V thường xuyên rượu chè say xỉn về nhà chửi mắng, đánh đập vợ con. Vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng và cho anh V cơ hội thay đổi, nhưng anh V không chịu thay đổi, bỏ mặt không quan tâm chăm sóc vợ con. Tháng 10/2019, chị dẫn con về phía mẹ đẻ ở và sống ly thân anh V từ đó đến nay, hai bên không quan tâm, không liên lạc gì với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Chị M trình bày có một con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/7/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K thành niên. Nay, chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thu lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh V không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không thể hiện ý kiến của anh V.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa, không có ý kiến trình bày là vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Trà M. Chị M phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Quốc V đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại thôn Thôn 2, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 101/TB-TLVA ngày 26/5/2020; giấy triệu tập số 124/GTT-TA và số 125/GTT-TA ngày 23/6/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 204/TB-TA ngày 07/7/2020; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 224/TB-TA ngày 21/7/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2020, nhưng anh V không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị M là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh V tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn vợ chồng, thì thấy rằng: Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2020 bà Lê Thị L là mẹ ruột, sinh sống cùng nơi cư trú với anh V cho biết: Trong thời gian sống chung với nhau, chị M và anh V có xảy ra nhiều mâu thuẫn, khoảng tháng 9/2019 anh V có đánh chị M hai lần, khoảng tháng 10/2019 chị M dẫn con về nhà mẹ ruột sống đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị M và anh V đoàn tụ, nhưng anh V không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh V không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng. Có cơ sở xác định quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh V đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Trà M, chị M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị My và anh V có một con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/7/2017. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu K còn nhỏ và đang sinh sống với chị M, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu K, cần tiếp tục giao cháu K cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M trình bày đề vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Trà M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Trà M. Chị Bùi Thị Trà M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 17/7/2017 cho chị M nhận tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi

con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Trà M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002390 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Bùi Thị Trà M và anh Nguyễn Quốc V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ